

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2025/KDTM-PT
Ngày 24/4/2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hữu Thị Hảo Hảo

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thanh Mai

Bà Trần Thị Bé

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tú Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 51/2024/TLPT-KDTM ngày 06/12/2024 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Do Bản án sơ thẩm số 53/2024/DS-ST ngày 29/9/2024 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 54/2025/QĐ-PT ngày 11/02/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 134/2025/QĐ-PT ngày 26/3/2025 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP Đ (Tên giao dịch: P); địa chỉ: Số B đường N, phường T, quận H, Thành phố Hà Nội; địa chỉ liên hệ: Tầng A, Tòa nhà P, số B đường C tháng D, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện nguyên đơn tham gia tố tụng tại Tòa án: Bà Phan Thị Thanh H, chức vụ: Chuyên gia tố tụng Khối Quản lý và Tái cấu trúc tài sản P, địa chỉ: Số B đường C tháng D, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng tham gia tố tụng theo Giấy Ủy quyền số 10771/UQ-PVB ngày 10/6/2020 ông Nguyễn Đình L, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của P và Giấy ủy quyền số 3825/UQ-PVB ngày 27/02/2025 của ông Mai Xuân T, chức vụ: Giám đốc Khối Quản lý và Tái cấu trúc tài sản P. (bà H có mặt).

2. **Bị đơn:** Công ty cổ phần N. Địa chỉ: Đường V, khối phố H, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần N là: Ông Lê Văn V, sinh năm 1980, chức vụ: Tổng Giám đốc, nơi cư trú: Khối phố T, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam (bị đơn vắng mặt lần 2 không có lý do).

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Lê Văn V, sinh năm 1980, nơi cư trú: Khối phố T, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam (ông V vắng mặt lần 2 không có lý do).

4. **Người kháng cáo:** Ngân hàng TMCP Đ – Nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm, nội dung vụ án như sau:

** Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ trình bày như sau:*

Để bổ sung vốn cho hoạt động kinh doanh, Công ty cổ phần N đã vay của Ngân hàng TMCP Đ (P) theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 21/2015/HĐTD-PVB-CNĐNg ngày 17/12/2015 và Phụ lục sửa đổi Hợp đồng hạn mức tín dụng số PL01-21/2015/HĐTD-PVB-CNĐNg ngày 22/03/2016 với hạn mức tín dụng: 50.000.000.000 đồng, thời hạn từng khoản vay: Tối đa 09 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay.

Để bảo đảm cho khoản hạn mức tín dụng trên, Công ty cổ phần N và ông Lê Văn V đã thế chấp cho Ngân hàng I tài sản bảo đảm gồm: 08 quyền sử dụng đất của ông Lê Văn V có Giấy chứng nhận số: BM 892823, BM 892824, BM 892825, BM 892826, BM 892827, BC 770904, BC 770905 và số CB 278183 và công trình Tháp Nôm thuộc sở hữu Công ty cổ phần N, có diện tích xây dựng: 105,3m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 192671 ngày 15/01/2016 (là tài gắn liền với thửa đất Khu 9/1- 9/45 theo Giấy chứng nhận số CB 278183 thuộc sở hữu của ông Lê Văn V).

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, theo đề nghị của Công ty cổ phần N, Ngân hàng P đã giải ngân cho Công ty N 05 lần với tổng số tiền là: 80.000.000.000đ. Công ty N đã thanh toán tổng cộng số tiền 43.070.786.195 đồng, trong đó thanh toán tiền vay gốc là: 40.000.000.000 đồng và nợ lãi: 3.070.786.195 đồng. Qua đó, đã tắt toán khế ước nhận nợ số 01/2015/KU-VNH ngày 18/12/2015, khế ước nhận nợ số 02/2015/KU-VNH ngày 21/9/2015 và khế ước nhận nợ số 03/2015/KU-VNH ngày 26/12/2016.

Do Công ty cổ phần N vi phạm kỳ hạn trả nợ và xét thấy Công ty không có khả năng tắt toán khoản nợ vay nên P đã tiến hành phương án thu giữ tài sản bảo đảm theo Nghị quyết 42. Đến ngày 31/8/2023, P đã bán đấu giá thành công tài sản bảo đảm với giá: 39.895.375.000đ, trừ các chi phí xử lý theo quy định, P đã ưu tiên thu nợ gốc khoản vay với số tiền là: 38.091.448.302 đồng. Hiện nay, Công ty cổ phần N còn phải thanh toán cho P tạm tính đến hết ngày 29/09/2024 bao gồm: Nợ

gốc quá hạn 1.908.551.698 đồng; nợ lãi 43.299.067.865 đồng, tổng cộng là: 45.207.619.563 đồng.

Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của mình, Ngân hàng TMCP Đ kính đề nghị Tòa án giải quyết:

- Buộc Công ty cổ phần N thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ tổng số tiền nợ gốc, lãi phát sinh tạm tính đến hết ngày 29/09/2024 là: 45.207.619.563 đồng, trong đó: Nợ gốc quá hạn 1.908.551.698 đồng, lãi trong hạn 2.249.532.901 đồng, lãi trên gốc quá hạn 38.475.977.927 đồng, lãi chậm trả 2.573.557.037 đồng.

- Buộc Công ty cổ phần N phải tiếp tục trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền lãi phát sinh cho đến khi Công ty cổ phần N tất toán toàn bộ khoản vay.

* Công ty cổ phần N; ông Lê Văn V người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần N đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày.

Với nội dung trên, Bản án số 53/2024/DS-ST ngày 29/9/2024 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 117, 299, 320, 323; 463, 466 của Bộ luật dân sự; Điều 91, khoản 2 Điều 95, khoản 3 Điều 98 của Luật các Tổ chức tín dụng; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ đối với Công ty cổ phần N về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Xử:

1. - Buộc Công ty cổ phần N phải trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền nợ vay tính đến ngày 29/9/2024 tổng cộng là: 42.634.062.526 đồng, trong đó:

- + Nợ gốc quá hạn: 1.908.551.698 đồng,
- + Lãi trong hạn: 2.249.532.901 đồng,
- + Lãi trên gốc quá hạn: 38.475.977.927 đồng.

- Buộc Công ty cổ phần N phải tiếp tục trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 21/2015/HĐTD-PVB-CNĐNg ngày 17/12/2015 và Phụ lục sửa đổi Hợp đồng hạn mức tín dụng số PL 01-21/2015/HĐTD-PVB-CNĐNg ngày 22/03/2016 kể từ ngày 30/09/2024 cho đến khi Công ty cổ phần N tất toán toàn bộ khoản vay.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với yêu cầu Công ty cổ phần N phải thanh toán số tiền lãi chậm trả lãi 2.573.557.037 đồng.

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm 150.634.063 đồng (Một trăm năm mươi triệu, sáu trăm ba mươi bốn ngàn, không trăm sáu mươi ba đồng) Công ty cổ phần N phải chịu.

- Án phí dân sự sơ thẩm do không được chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện Ngân hàng TMCP Đ phải chịu là 83.471.141 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí Ngân hàng TMCP Đ đã nộp là 76.361.255 đồng (Bảy mươi sáu triệu, ba trăm sáu mươi một ngàn, hai trăm năm mươi lăm đồng) theo biên lai thu số 0000259 ngày 21/02/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Ngân hàng TMCP Đ còn phải nộp thêm số tiền án phí là: 7.109.886 đồng (Bảy triệu một trăm lẻ chín ngàn tám trăm tám mươi sáu đồng)

Ngoài ra, bản án còn tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 14/10/2024, nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ (P) có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc Công ty cổ phần N phải thanh toán số tiền phạt chậm trả lãi, theo đó huỷ quyết định về phần án phí do không chấp nhận yêu cầu của P, vì cấp sơ thẩm đã không đánh giá đúng quy định tính lãi, xác định Ngân hàng tính lãi chồng lãi là không đúng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo; các đương sự không cung cấp tài liệu chứng cứ gì thêm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng có ý kiến: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án: Không chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng TMCP Đ (P), đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ (P) có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định và đã nộp án phí kháng cáo nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa: Tòa án đã cấp tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng thông báo thời gian, địa điểm mở phiên tòa nhưng bị đơn là Công ty cổ phần N và người liên quan là ông Lê Văn V vắng mặt. Xét thấy, vụ án đã được hoãn nhiều lần để đảm bảo quyền lợi cho đương sự, nhưng

Công ty N và ông V vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[3] Về nội dung giải quyết: Xét kháng cáo của nguyên đơn thì thấy:

[3.1] Về quan hệ cho vay: Tại hồ sơ vụ án thể hiện, ngày 17/12/2015, Ngân hàng TMCP Đ chi nhánh Đ1 (P) và Công ty cổ phần N (Công ty N) đã cùng nhau ký kết Hợp đồng tín dụng hạn mức số 21/2015/HĐTD-PVB-CNĐNg, theo đó hạn mức tín dụng được cấp là 40 tỷ. Đến ngày 22/3/2016, các bên ký Phụ lục sửa đổi hợp đồng hạn mức tín dụng số PL01-21/2015/HĐTD-PVB-CNĐNg, theo đó, thay đổi hạn mức tín dụng là 50 tỷ. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, Công ty N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng P khởi kiện buộc Công ty N phải trả cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến hết ngày 29/9/2024 bao gồm nợ gốc tiền vay là 1.908.551.698 đồng, nợ lãi trong hạn là 2.249.532.901 đồng, nợ lãi trên gốc quá hạn 38.475.977.927 đồng. Yêu cầu của Ngân hàng được Tòa án chấp nhận là có cơ sở.

[3.2] Riêng đối với yêu cầu buộc Công ty N phải trả lãi chậm trả lãi cho Ngân hàng với số tiền là: 2.573.557.037 đồng xét thấy, theo khoản 4 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N1 quy định: “4. Khi đến hạn thanh toán mà khách hàng không trả hoặc không trả đầy đủ nợ gốc và/hoặc nợ lãi tiền vay theo thoả thuận thì khách hàng phải trả tiền vay như sau:

a. Lãi trên nợ gốc theo lãi suất cho vay đã thoả thuận tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả.

b. Trường hợp khách hàng không trả đúng hạn tiền lãi theo quy định tại điểm a khoản này, thì phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất do tổ chức tín dụng và khách hàng thoả thuận nhưng không vượt quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả;

c. Trường hợp khoản nợ vay bị chuyển nợ quá hạn thì khách hàng phải trả lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất áp dụng không vượt quá 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn”.

Theo đó, Thông tư 39/2016/TT-NHNN cho phép các bên thoả thuận về tiền lãi chậm trả có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/3/2017.

Mặt khác, Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm đã xác định rõ đối với hợp đồng tín dụng xác lập trước ngày 01/01/2017 thì không cho phép tính lãi chậm trả lãi.

Hợp đồng hạn mức tín dụng số 21/2015/HĐTD-PVB-CNĐNg được xác lập ngày 17/12/2015 trước khi Thông tư 39/2016 có hiệu lực thi hành. Do đó, các bên thoả thuận tại Hợp đồng về nghĩa vụ chịu lãi chậm trả lãi là không phù hợp với quy định của pháp luật tại thời điểm ký kết hợp đồng nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

[4] Xét ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo nên Ngân hàng TMCP Đ phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

I. Không chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng TMCP Đ.

II. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 53/2024/DS-ST ngày 29/9/2024 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

III. Án phí phúc thẩm là 2.000.000 đồng Ngân hàng TMCP Đ phải chịu, nhưng được khấu trừ vào số tiền 2.000.000 đồng tạm ứng án phí Ngân hàng đã nộp tại biên lai thu số 0004547 ngày 21/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Ngân hàng TMCP Đ đã thi hành xong nghĩa vụ nộp tiền án phí phúc thẩm.

IV. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND TPĐà Nẵng
- TAND quận Hải Châu ĐN
- Chi cục THADS quận Hải Châu ĐN
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Thị Hảo Hảo